

Số: *3120* /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định
mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông báo số 315/TB-VP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông báo kết luận của Đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 8 năm 2023; Thông cáo số 362/TB-HĐND ngày 06/9/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo và kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó quy định mức thu cụ thể đối với từng loại khoáng sản kim loại, khoáng sản không kim loại và khoáng sản tận thu áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm xây dựng, ban hành Nghị quyết nêu trên được căn cứ vào Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản, đến ngày 15/7/2023 Nghị định trên đã hết hiệu lực thi hành.

Ngày 31/5/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023 (*bãi bỏ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2013*); trong đó có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2013 cụ thể: Phạm vi điều chỉnh bổ sung, quy định "*các trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản*"; phương pháp tính phí bổ sung, hướng dẫn tính toán phí bảo vệ môi trường "*đối với khoáng sản chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất*"; đối với khai thác khoáng sản tận thu quy định thêm "*trường hợp khoáng sản khai thác phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra thì căn cứ điều kiện thực tế khai thác và công nghệ chế biến khoáng sản trên địa bàn, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Cục Thuế và các cơ quan liên quan trình UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ quy đổi từ khối lượng khoáng sản thành phẩm ra khối lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương*"; bổ sung thêm một số trách nhiệm thực hiện đối với Cơ quan thuế ở địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường; đối với "*biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*" bổ sung chi tiết hơn số lượng loại khoáng sản thu phí và thay đổi một số mức thu đối với từng loại khoáng sản".

Tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 quy định "*Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*" và Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy

định: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó đồng thời hết hiệu lực*”.

Từ những vấn đề nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để bãi bỏ, thay thế quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đảm bảo đúng và phù hợp với các quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Việc ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để cụ thể hóa quy định của Trung ương; nhằm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và phù hợp với các văn bản quy định pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo cho công tác thu phí trên địa bàn tỉnh được tổ chức thực hiện công khai, minh bạch; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thu phí và nộp phí thực hiện đúng theo quy định; thực hiện thu đúng, đủ tránh gây thất thoát nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm việc thi hành nghiêm Hiến pháp, pháp luật.

- Phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*); Luật phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế; Luật khoáng sản; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thông báo số 315/TB-VP ngày 31/8/2023 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông báo kết luận của Đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Triệu Đình Lê tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 8 năm 2023; Thông cáo số 362/TB-HĐND ngày 06/9/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2025.

UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí

bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; xin ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đối với nội dung "Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng" và thực hiện lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan, các đối tượng chịu sự tác động của văn bản; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến tham gia của Nhân dân.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp ý kiến góp ý, hoàn thiện và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết để trình Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra Dự thảo Nghị quyết và trình kỳ họp chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp, gồm 5 Điều. Cụ thể:

Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mức thu và chế độ thu, nộp phí của Nghị quyết.

Điều 2. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí.

Điều 3. Quy định giao nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Quy định giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Quy định về hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

2. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng..

2.2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.3. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng/tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	50.000
4	Quặng vàng	Tấn	270.000
5	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000
6	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	50.000
7	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	250.000
8	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	20.000
9	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	60.000
10	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip- đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na- đi (vanadi)	Tấn	225.000
11	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	60.000
12	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi		
2.1	Sỏi	m ³	7.500
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	75.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	4.500
4	Đá làm fluorit	m ³	3.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng/tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	5.000
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	60.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát trắng	m ³	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.500
11	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
12	Đô-lômít (dolomit), quắ-c-zít (quartzit)	m ³	40.000
13	Cao lanh	Tấn	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	30.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	4.000
17	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	60.000
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen		
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rôp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)		
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)		
18	Cuội, sạn	m ³	6.000
19	Đất làm thạch cao	m ³	3.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng/tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)
20	Các loại đất khác	m ³	2.000
21	Phen - sò - phát (felspat)	Tấn	4.000
22	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
23	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu	Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên	

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính (lần 1, lần 2); (2) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các tổ chức, cá nhân; (3) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình đối với văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân).

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CN_(A).



Hoàng Xuân Ánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng/tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	50.000
4	Quặng vàng	Tấn	270.000
5	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000
6	Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng- ti-moan (antimon)	Tấn	50.000
7	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	250.000
8	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	20.000
9	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	60.000
10	Quặng cô-ban (coban), quặng mô- líp-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	225.000
11	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	60.000
12	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi		
2.1	Sỏi	m ³	7.500
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	75.000

2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	4.500
4	Đá làm fluorit	m ³	3.000
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	5.000
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	60.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát trắng	m ³	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.500
11	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	40.000
13	Cao lanh	Tấn	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	30.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	4.000
17	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	60.000
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen		
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)		
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít		

	(nephrite)		
18	Cuội, sạn	m ³	6.000
19	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
20	Các loại đất khác	m ³	2.000
21	Phen - sò - phát (felspat)	Tấn	4.000
22	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
23	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu	Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên	

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng/tấn hoặc m ³ khoáng sản nguyên khai)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	50.000
4	Quặng vàng	Tấn	270.000
5	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000
6	Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng- ti-moan (antimon)	Tấn	50.000
7	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	250.000
8	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	20.000
9	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	60.000
10	Quặng cô-ban (coban), quặng mô- lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	225.000
11	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	60.000
12	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi		
2.1	Sỏi	m ³	7.500
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	75.000

2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	3.000
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	4.500
4	Đá làm fluorit	m ³	3.000
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	5.000
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	60.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát trắng	m ³	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.500
11	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	40.000
13	Cao lanh	Tấn	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	30.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	4.000
17	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	60.000
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen		
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)		
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít		

	(nephrite)		
18	Cuội, sạn	m ³	6.000
19	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
20	Các loại đất khác	m ³	2.000
21	Phen - sô - phát (felspat)	Tấn	4.000
22	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
23	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu	Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên	

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3032 /STNMT-QLMT

Cao Bằng, ngày 22 tháng 9 năm 2023

V/v đề nghị thẩm định Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Công văn số 6102/BTC-CST ngày 14/6/2023 của Bộ Tài chính, về việc triển khai thực hiện Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thực hiện Công văn số 2031/VP-KT ngày 29/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh, về việc tham mưu triển khai thực hiện các nội dung công việc được giao tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ; Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh, về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII. Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng xong dự thảo Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Hiện tại, đang tiến hành xin ý kiến các sở, ngành, các tổ chức đoàn thể tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng; UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

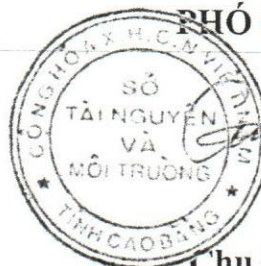
Để đảm bảo Nghị quyết được ban hành đúng quy định của pháp luật, có tính khả thi cao, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Tài chính xem xét, thẩm định Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Sở Tài chính để hoàn thành nội dung nhiệm vụ được UBND tỉnh giao./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng: TNN&KS; KHTH;
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Đức Quang

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3033 /STNMT-QLMT

V/v xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết,
Tờ trình ban hành Nghị quyết Quy định mức thu,
đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai
thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 22 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh Cao Bằng;
- UBND các huyện, thành phố Cao Bằng;
- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Thực hiện Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng, về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023, HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII. Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Để đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Quý cơ quan, đơn vị xem xét, góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, Tờ trình; Trung tâm thông tin thuộc Văn phòng UBND tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết, Tờ trình (*gửi kèm theo Công văn này*).

Nội dung dự thảo Nghị quyết có thể truy cập tại: Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: (<http://www.caobang.gov.vn>). Trong mục: *Lấy ý kiến dự thảo văn bản*) và Trang thông tin điện tử của Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: (<https://sotnmt.caobang.gov.vn>). Trong mục: *Lấy ý kiến dự thảo văn bản*).

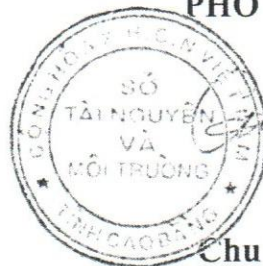
Ý kiến góp ý của Quý cơ quan, đề nghị gửi về Sở TN&MT chậm nhất ngày 22/10/2023, đơn vị không có ý kiến tham gia hoặc có ý kiến tham gia sau thời gian trên được coi là thống nhất với dự thảo Văn bản.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm, xem xét, tham gia góp ý kiến đối với dự thảo Văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Đức Quang

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2596/STC-QLG

Cao Bằng, ngày 03 tháng 10 năm 2023

V/v đề nghị bổ sung một số nội dung
tại Đề án quy định mức thu, đơn vị
tính phí bảo vệ môi trường đối với
khai thác khoáng sản áp dụng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

Sở Tài chính nhận được Công văn số 3032/STNMT-QLMT ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Luật phí lệ phí năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, để có đầy đủ cơ sở thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng do Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo cơ bản đầy đủ các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Tuy nhiên, để đảm bảo đúng quy định tại Điều 8 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, bổ sung một số nội dung sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện và kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản từ khi Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có hiệu lực đến nay.

- Tham khảo mức thu phí của các tỉnh có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí để làm căn cứ xác định mức thu đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Thuyết minh về danh mục khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Đối với các loại khoáng sản có quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP mà không đưa vào danh mục thu phí, đề nghị nêu rõ lý do và thuyết minh cụ thể.

- Thuyết minh chi tiết, cụ thể đối với việc xác định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của từng loại khoáng sản thực hiện thu phí tại phụ lục kèm theo dự thảo Đề án.

- Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp và hiệu quả thu phí nếu Đề án được ban hành và Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được thông qua.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính đối với Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường bổ sung, hoàn thiện gửi về Sở Tài chính để tiếp tục thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QL_(HT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vương Quang Thiên

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:3363 /STNMT-QLMT
V/v giải trình, chỉnh sửa, bổ sung và đề
nghị tiếp tục thẩm định nội dung Đề án
Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ
môi trường đối với khai thác khoáng sản áp
dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 2596/STC-QLG ngày 03/10/2023 của Sở Tài chính, về việc đề nghị bổ sung một số nội dung tại Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Cục Thuế tỉnh Cao Bằng đã cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung và giải trình một số nội dung theo ý kiến của Sở Tài chính, cụ thể như sau:

1. Nội dung cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung và giải trình được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Công văn này.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Tài chính tiếp tục xem xét, thẩm định Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính đề nghị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 20/10/2023** để tổng hợp, thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Sở Tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được UBND tỉnh giao./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng: TNN&KS, KHTH;
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Đức Quang

PHỤ LỤC

Giải trình, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Công văn số 3363/STNMT-QLMT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ý kiến của Sở Tài chính	Nội dung giải trình, trình sửa, bổ sung	Trang																	
1	<p>Đánh giá tình hình thực hiện và kết quả thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản từ khi Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có hiệu lực đến nay.</p>	<p>1. Đánh giá tình hình thu phí:</p> <p>- Sau khi Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Cao Bằng, quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được ban hành. Cục Thuế tỉnh Cao Bằng triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể công chức chuyên môn để triển khai thực hiện, hướng dẫn người nộp phí trên địa bàn kê khai, nộp đúng quy định; đăng tải các văn bản quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế; phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền rộng rãi tới người nộp thuế để thực hiện.</p> <p>- Giai đoạn từ năm 2017 đến tháng 9/2023, tiền phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thu được là 187.676.642.729 đồng. Số tiền thu phí bảo vệ môi trường trên là khoản thu ngân sách địa phương, hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, như: Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.</p> <table border="1" data-bbox="687 1081 1838 1390"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản</th> <th>Tổng thu (đồng)</th> <th>Tỷ lệ nộp NSNN (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Năm 2017</td> <td>41.154.405.258</td> <td rowspan="4">100%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Năm 2018</td> <td>25.057.867.390</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Năm 2019</td> <td>9.536.306.075</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Năm 2020</td> <td>19.382.688.498</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản	Tổng thu (đồng)	Tỷ lệ nộp NSNN (%)	1	Năm 2017	41.154.405.258	100%	2	Năm 2018	25.057.867.390	3	Năm 2019	9.536.306.075	4	Năm 2020	19.382.688.498	<p>Đã bổ sung mục I Phần I Đề án</p>
TT	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản	Tổng thu (đồng)	Tỷ lệ nộp NSNN (%)																	
1	Năm 2017	41.154.405.258	100%																	
2	Năm 2018	25.057.867.390																		
3	Năm 2019	9.536.306.075																		
4	Năm 2020	19.382.688.498																		

		5	Năm 2021	9.163.140.540		
		6	Năm 2022	29.126.273.941		
		7	9 tháng đầu năm 2023	4.255.961.027		
			Tổng	187.676.642.729		
2	Tham khảo mức thu phí của các tỉnh có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí để làm căn cứ xác định mức thu đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.	<p>Hiện tại, Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Nghị quyết số 12/2023/NĐ-HĐND ngày 15/9/2023 quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và đã tham khảo dự thảo mức thu của 03 tỉnh (Lạng Sơn, Đồng Nai, Đà Nẵng). Qua tham khảo các tỉnh cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với tỉnh Lào Cai: Mức thu và đơn vị tính phí đối với từng loại khoáng sản không giống nhau, có loại khoáng sản áp dụng mức thu cao nhất, có loại khoáng sản mức thu áp dụng tại mức trung bình (bằng 50% mức thu tối đa) theo Phụ lục Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ; - Với tỉnh Lạng Sơn: Đang xây dựng, phương pháp xác định mức thu phí các loại khoáng sản trong dự thảo Đề án Quy định mức phí, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn chưa được thống nhất, đồng bộ giữa các loại khoáng sản. - Với tỉnh Đồng Nai và thành phố Đà Nẵng: Đang xây dựng, phương pháp xác định mức thu phí các loại khoáng sản trong dự thảo Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn, mức thu phí được đề xuất áp dụng bằng mức tối đa theo khung mức phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. 				Đã bổ sung tại điểm c mục 5.2 phần II (trang 8) Đề án
3	Thuyết minh về danh mục khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Đối với các loại khoáng sản có quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP mà không đưa vào danh mục thu phí, đề	<p>a) Danh mục khoáng sản thu phí</p> <p>Đề xuất, lựa chọn danh mục các loại khoáng sản thu phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Phụ lục Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ và điều chỉnh cho phù hợp với danh mục các loại khoáng sản hiện có trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Lý do: Một số loại khoáng sản có trong Phụ lục Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023, có 05 loại khoáng sản không đưa vào danh mục thu phí gồm: Quặng đất hiếm; séc -</p>				Đã bổ sung tại điểm b mục 5.2 phần II Đề án

	<p>nghị nêu rõ lý do và thuyết minh cụ thể.</p>	<p>păng - tin (secpentin); than; Talc, diatomit; Graphit, serecit, vì theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng, về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và dự thảo Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh kèm theo Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) thì không có 05 loại khoáng sản nêu trên.</p>	
4	<p>Thuyết minh chi tiết, cụ thể đối với việc xác định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của từng loại khoáng sản thực hiện thu phí tại phụ lục kèm theo dự thảo Đề án.</p>	<p>Như theo thứ tự thứ 03, các tỉnh đã ban hành hoặc đang dự thảo định mức thu không thống nhất và hiện tại, không có phương pháp xác định mức thu của từng loại khoáng sản. Do đó, khi xây dựng thì Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương đã đề xuất lựa chọn mức thu phí bằng mức trung bình theo Phụ lục Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ. Lý do đề xuất:</p> <p>(1) Hiện nay, các mỏ khoáng sản kim loại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng chủ yếu là các mỏ khai thác làm vật liệu xây dựng chiếm tỷ lệ lớn, một số ít mỏ khai thác khoáng sản rắn; một số mỏ tận thu, trữ lượng và công suất khai thác quy mô nhỏ, trung bình;</p> <p>(2) Đặc biệt, trong thời gian vừa qua các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh bị tác động ảnh hưởng bởi COVID -19 và quá trình xây dựng phí cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm so với định mức được phép chi theo quy định theo hướng dẫn Sở Tài chính để đồng hành cùng với những khó khăn của Doanh nghiệp.</p> <p>(3) Thực tế hiện nay, giá các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng rất cao so với các tỉnh khác trong vùng, trong khi đó tỉnh Cao Bằng có rất nhiều mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Việc đưa ra mức thu phí bảo vệ môi trường để tạo điều kiện, khuyến khích để phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, góp phần giải quyết vấn đề khan hiếm vật liệu xây dựng và giá vật liệu xây dựng tăng cao trên địa bàn tỉnh mà cử tri đang quan tâm, kiến nghị.</p> <p>Vậy, với những lý do nêu trên việc lựa chọn mức thu phí trong hoạt động khai thác khoáng sản bằng mức trung bình theo Phụ lục Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh, nhằm góp phần thúc đẩy ngành khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, giảm giá thành vật liệu xây dựng, giảm chi phí xây dựng cơ</p>	<p>Đã bổ sung tại điểm c, mục 5.2 phần II Đề án</p>

5	<p>Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp và hiệu quả thu phí nếu Đề án được ban hành và Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được thông qua.</p>	<p>sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Cao Bằng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn có một số tổ chức, doanh nghiệp có ý kiến đối với nội dung thu phí bảo vệ môi trường nhưng đã được giải đáp, hướng dẫn; một số doanh nghiệp có sử dụng đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình chưa tự nguyện kê khai nộp phí; một số đơn vị nộp thiếu, nộp chậm so với quy định. - Căn cứ theo tình hình cấp phép khai thác khoáng sản, sản lượng khai thác cho thấy, nếu Đề án được ban hành và Nghị quyết, thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được thông qua thì tổng tiền thu phí bảo vệ môi trường không ảnh hưởng nhiều đến định mức thu mà phụ thuộc vào sản lượng khoáng sản hàng năm của Doanh nghiệp, tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản của từng mỏ. Hiện tại, Sở Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng quyết định của UBND tỉnh về ban hành tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản của từng mỏ (bổ sung các loại khoáng sản chưa có tỉ lệ quy đổi). 	
---	---	--	--

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

**Thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3032/STNMT-QLMT ngày 22/9/2023 và Công văn số 3363/STNMT-QLMT ngày 17/10/2023 về việc đề nghị thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2023, Sở Tài chính tiến hành cuộc họp để thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Nội dung cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Sở Tài chính

- Ông Vương Quang Thiên, Phó giám đốc - Chủ trì cuộc họp.
- Bà Bé Thùy Linh, Trưởng phòng Quản lý giá.
- Bà Hoàng Thị Phương Thảo, Chuyên viên phòng Quản lý giá.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ông Bùi Huy An, Chuyên viên Phòng Kinh tế.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Ông Vũ Ngọc Lưu, Phó Giám đốc.
- Ông Nguyễn Thị Lan, Phó Trưởng phòng Quản lý môi trường.

4. Cục Thuế tỉnh

- Ông Nguyễn Văn Cường, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế.
- Bà Cao Thị Thanh Hào, Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế.

II. NỘI DUNG

1. Ông Vương Quang Thiên, Phó giám đốc Sở Tài chính chủ trì cuộc họp thông qua nội dung, thành phần tham dự, quán triệt mục đích, nội dung yêu cầu của cuộc họp và triển khai các văn bản có liên quan đến việc thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Bà Bé Thùy Linh, Trưởng phòng quản lý giá, Sở Tài chính báo cáo kết quả thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp đã tham gia ý kiến đối với nội dung của Đề án và cùng nhau thống nhất các nội dung cụ thể như sau:

- Đối với danh mục thu phí: Nhất trí với đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với mức thu phí: *(Chi tiết theo phụ lục kèm theo).*

Biên bản được thông qua tại cuộc họp, các thành viên cùng nghe và nhất trí với các nội dung đã ghi ở trên. Cuộc họp kết thúc hồi 10h30 cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN
VĂN PHÒNG UBND TỈNH



Bùi Huy An

ĐẠI DIỆN
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Lưu

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vương Quang Thiên

ĐẠI DIỆN CỤC THUẾ TỈNH



Nguyễn Văn Cường

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Hoàng Thị Phương Thảo

PHỤ LỤC

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo biên bản họp ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng)



STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (đồng)	Mức thu phí (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại			
1	Quặng sắt	Tấn	40.000 - 60.000	50.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	30.000 - 50.000	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	10.000 - 70.000	50.000
4	Quặng vàng	Tấn	180.000 - 270.000	270.000
5	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	180.000 - 270.000	225.000
6	Quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	30.000 - 50.000	50.000
7	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	180.000 - 270.000	250.000
8	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	10.000 - 30.000	20.000
9	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	35.000 - 60.000	60.000
10	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	180.000 - 270.000	225.000
11	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	10.000 - 60.000	60.000
12	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	20.000 - 30.000	30.000
II	Khoáng sản không kim loại			
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.000 - 2.000	2.000
2	Đá, sỏi			
2.1	Sỏi	m ³	6.000 - 9.000	7.500
2.2	Đá			

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (đồng)	Mức thu phí (đồng)
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	60.000 - 90.000	75.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	1.500 - 7.500	3.000
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	1.500 - 6.750	4.500
4	Đá làm fluorit	m ³	1.500 - 4.500	3.000
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)			
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	50.000 - 70.000	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	1.500 - 7.500	5.000
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	50.000 - 70.000	60.000
7	Cát vàng	m ³	4.500 - 7.500	5.000
8	Cát trắng	m ³	7.500 - 10.500	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	3.000 - 6.000	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.250 - 3.000	2.500
11	Sét chịu lửa	Tấn	20.000 - 30.000	25.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	30.000 - 45.000	40.000
13	Cao lanh	Tấn	4.200 - 5.800	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	20.000 - 30.000	30.000
15	Pi-rít (pirite), phôt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	20.000 - 30.000	30.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	3.000 - 5.000	4.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (đồng)	Mức thu phí (đồng)
17	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	50.000 - 70.000	60.000
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen			
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)			
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)			
18	Cuội, sạn	m ³	6.000 - 9.000	6.000
19	Đất làm thạch cao	m ³	2.000 - 3.000	3.000
20	Các loại đất khác	m ³	1.000 - 2.000	2.000
21	Phen - sô - phát (felspat)	Tấn	3.300 - 4.600	4.000
22	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000 - 3.000	3.000
23	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	20.000 - 30.000	30.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu		Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên	

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2782/STC-QLG

Cao Bằng, ngày 20 tháng 10 năm 2023

V/v thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài chính nhận được Công văn số 3032/STNMT-QLMT ngày 22/9/2023 và Công văn số 3363/STNMT-QLMT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Tài chính đã có Công văn số 2596/STC-QLG ngày 03/10/2023 gửi Sở tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị bổ sung một số nội dung tại Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Ngày 17/10/2023, Sở Tài chính nhận được Công văn số 3363/STNMT-QLMT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị tiếp tục thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu, xem xét hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến. Sở Tài chính có một số ý kiến thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I. Căn cứ pháp lý thẩm định.

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

II. Kết quả thẩm định nội dung Đề án

1. Về căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Các căn cứ pháp lý xây dựng Đề án cơ bản đầy đủ. Tuy nhiên cần bổ sung thêm căn cứ: Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Về nội dung của Đề án.

Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng cơ bản đầy đủ các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2.1 Đối với tên Đề án: Nhất trí với tên Đề án

2.2 Đối với sự cần thiết xây dựng Đề án.

Về nội dung đánh giá tình hình thu phí và các căn cứ để xây dựng Đề án cơ bản đầy đủ.

2.3 Đối với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, người nộp phí, tổ chức thu phí, các trường hợp được miễn phí, phương pháp tính phí, chế độ kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí, công khai chế độ thu phí.

Các nội dung đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Đối với các nội dung liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm rà soát lại và thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

2.4 Đối với danh mục thu phí và mức thu phí.

Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Điều 8 Luật phí và lệ phí năm 2015 và biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ và tham khảo mức thu phí của các địa phương.

Ngày 20/10/2023, Sở Tài chính đã tổ chức cuộc họp (trong đó có mời các cơ quan liên quan: Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường) thống nhất một số nội dung thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Do đó, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa Đề án theo các nội dung tại kết luận cuộc họp.

(Có biên bản họp kèm theo)

Trên đây là nội dung thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Thuế tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QL_{G(HT)}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vương Quang Thiên

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3436 /STNMT-QLMT

Cao Bằng, ngày 20 tháng 10 năm 2023

V/v ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết, Tờ trình
ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị
tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(lần 2)

Kính gửi:

- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Trung tâm thông tin, VP UBND tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh Cao Bằng;
- UBND các huyện, tp. Cao Bằng;
- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Thực hiện Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII. Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Ngày 22/9/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị các cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và Trung tâm thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đối với Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình tại Công văn số 3033/STNMT-QLMT. Ngày 20/10/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 2782/STC-QLG ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh. Theo đó, một số định mức của các loại khoáng sản đã có sự thay đổi so với dự thảo lần 1, cụ thể như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu đề xuất lần 1 (đồng)	Mức thu đề xuất sau khi thẩm định
I	Quặng khoáng sản kim loại			

1	Quặng sắt	Tấn	50.000	50.000
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	40.000	50.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	40.000	50.000
4	Quặng vàng	Tấn	225.000	270.000
5	Quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000	225.000
6	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	40.000	50.000
7	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	225.000	250.000
8	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	20.000	20.000
9	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	47.000	60.000
10	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	225.000	225.000
11	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	35.000	60.000
12	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000	30.000
II Khoáng sản không kim loại				
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500	2.000
2	Đá, sỏi			
2.1	Sỏi	m ³	7.500	7.500
2.2	Đá			
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	75.000	75.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	4.500	3.000

3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.000	4.500
4	Đá làm fluorit	m ³	3.000	3.000
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)			
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	60.000	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	4.500	5.000
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	60.000	60.000
7	Cát vàng	m ³	6.000	5.000
8	Cát trắng	m ³	9.000	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.500	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.625	2.500
11	Sét chịu lửa	Tấn	25.000	25.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	337.500	40.000
13	Cao lanh	Tấn	5.000	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000	30.000
15	Pi-rít (pirite), phôt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	25.000	30.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	4.000	4.000
17	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	60.000	
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít			

	(alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen			
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)			60.000
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)			
18	Cuội, sạn	m ³	7.500	6.000
19	Đất làm thạch cao	m ³	2.500	3.000
20	Các loại đất khác	m ³	1.500	2.000
21	Phen - sờ - phát (felspat)	Tấn	3.950	4.000
22	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	1.500	3.000
23	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000	30.000
III	Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu		Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên	Bằng 60% mức thu phí của các loại khoáng sản tương ứng quy định trên

Để đảm bảo chất lượng trước khi trình Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Quý cơ quan, đơn vị xem xét, góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết; Trung tâm thông tin thuộc Văn phòng UBND tỉnh đăng tải trên Công thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết (gửi kèm theo Công văn này)

Nội dung dự thảo Nghị quyết có thể truy cập tại: Công thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: <http://www.caobang.gov.vn>. Trong mục: Lấy ý kiến dự

thảo văn bản) và Trang thông tin điện tử của Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: (<https://sotnmt.caobang.gov.vn>. Trong mục: Lấy ý kiến dự thảo văn bản).

Ý kiến góp ý, đề nghị gửi về Sở TN&MT chậm nhất **trong ngày 23/10/2023**. Các đơn vị không có ý kiến tham gia hoặc có ý kiến tham gia sau thời gian trên được coi là thống nhất với Dự thảo.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị Sở TN&MT;
- Văn phòng đăng ký đất đai (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc Lưu

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh, về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII. Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng xong dự thảo Tờ trình, Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, đề nghị các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh Cao Bằng; UBND các huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản tỉnh Cao Bằng cho ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và đề nghị Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng cho đăng tải nội dung dự thảo Văn bản trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Cao Bằng để công khai xin ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị và cá nhân theo quy định (Công văn số 3033/STNMT-QLMT ngày 22/9/2023; Công văn số 3436/STNMT-QLMT ngày 20/10/2023). Kết quả cho ý kiến góp ý, cụ thể như sau:

Đến thời điểm hiện tại (ngày 23/10/2023), Sở Tài nguyên và Môi trường đã nhận được 18 đơn vị gửi ý kiến góp ý đối với dự thảo, trong đó: 13 đơn vị nhất trí hoàn toàn, không có ý kiến góp ý và 05 đơn vị có ý kiến góp ý, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung đối với dự thảo. Sau khi nghiên cứu, rà soát, Sở Tài nguyên và Môi trường xin được tiếp thu, giải trình chỉnh sửa, bổ sung như sau:

TT	Nội dung góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị	Nội dung giải trình, chỉnh sửa, bổ sung
I	Ý kiến của Sở Giao thông vận tải	
a	Đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết	
1	Nội dung và trình tự diễn đạt thứ tự các “Điều” được thể hiện trong dự thảo Tờ trình chưa thống	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến, đã bổ

	<p>nhất với dự thảo Nghị quyết (Dự thảo Nghị quyết có 4 Điều, tuy nhiên, nội dung tại Mục 1, Phần IV của dự thảo Tờ trình thể hiện có 5 Điều), cụ thể:</p> <p><i>“Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp, gồm 4 Điều. Cụ thể:</i></p> <p><i>Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết.</i></p> <p><i>Điều 2. Quy định về mức thu và chế độ thu, nộp phí.</i></p> <p><i>Điều 3. Quy định giao nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết.</i></p> <p><i>Điều 4. Quy định giám sát thực hiện Nghị quyết.</i></p> <p><i>Điều 5. Quy định về hiệu lực thi hành Nghị quyết.”</i></p>	<p>sung "Điều 2. Quy định mức thu và chế độ thu, nộp phí" vào mục 1 Phần IV dự thảo Tờ trình</p>
II	Ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo	
a	Đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết	
1	<p>Đề nghị xem xét, điều chỉnh mức thu phí đối với quặng Đolômít (dolomit), quắc-zít (quartzit): 337.500 đồng/m³ "Biểu khung mức thu kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ, mục 12 Phần II: Đoloomits (dolomit), quắc-zít (quartzit): 30.000 - 45.000 đồng".</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa tại mục 12 Phần II thành "40.000 đồng/m³" trong dự thảo Tờ trình, Nghị quyết.</p>
III	Ý kiến của Ban Quản lý Khu kinh tế	
a	Đối với dự thảo Tờ trình	
1	<p>Tại trang 2, dự thảo Tờ trình Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:</p> <p>- Dòng 17, 18: "...trong đó có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung so với Nghị định Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2023...." góp ý chỉnh sửa thành: "...trong đó có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2023...."</p> <p>- Dòng 22, 23: "...và quy định UBND cấp tỉnh</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, đã lược bỏ các từ "Nghị định, tỷ lệ và từng" thừa trong dự thảo tờ trình</p>

	<p>“quyết định tỷ lệ tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai...” góp ý chỉnh sửa thành “...và quy định UBND cấp tỉnh “quyết định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai...”</p> <p>- Dòng 35: “...và thay đổi một số mức thu đối với từng từng loại khoáng sản.” Góp ý chỉnh sửa thành “...và thay đổi một số mức thu đối với từng loại khoáng sản”.</p>	
b	Đối với dự thảo Nghị quyết	
	<p>Đối với Biểu mức thu tại dự thảo Nghị quyết, Tờ trình ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:</p> <p>- Đề nghị xem xét, điều chỉnh mức thu của mục 12 Phần II:</p> <p>Đôlômít (dolomit), quắc -zít (quartzit): 337.500 đồng/m³ "Biểu khung mức thu kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ, mục 12 Phần II: Đôloomits (dolomit), quắc-zít (quartzit): 30.000 - 45.000 đồng".</p> <p>- Đề nghị xem xét, điều chỉnh mức thu của mục 22 Phần II:</p> <p>Nước khoáng thiên nhiên: 1.500 đồng/m³ "Biểu khung mức thu kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ, mục 26 Phần II: Nước khoáng thiên nhiên: 2.000 - 3.000 đồng/m³".</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa mục 12 Phần II thành "40.000 đồng/m³"; chỉnh sửa mục 22 Phần II thành "2.000 đồng/m³" trong dự thảo Tờ trình, Nghị quyết.</p>
IV	Ý kiến của Ban Quản lý Khu kinh tế	
a	Đối với dự thảo Tờ trình	
1	<p>Tại nội dung khổ 2, mục 2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết (trang số 2 của văn bản) đề nghị xem xét bỏ các từ ngữ lặp lại cụ thể: Dòng thứ 5 bỏ chữ "Nghị định"; dòng thứ 9 bỏ chữ "tỷ lệ"; dòng thứ 15 bỏ chữ "với".</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, đã bỏ các từ theo ý kiến góp ý.</p>
2	<p>Tại mục 1. Bố cục của phần IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết (trang số 4 của văn</p>	<p>Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến,</p>

	bản) đề nghị xem xét, chỉnh sửa thành: " <i>Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp, gồm 5 điều</i> ".	đã bỏ các từ theo ý kiến góp ý.
b	Đối với dự thảo Nghị quyết	
1	Phản Quyết nghị đề nghị bổ sung chỉnh sửa nội dung theo bố cục 5 Điều như Tờ trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể: - Bổ sung Điều 2. Quy định về mức thu và chế độ thu, nộp phí. - Điều chỉnh thứ tự Điều 2 thành Điều 3; Điều 3 thành Điều 4, Điều 4 thành Điều 5.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến, đã bổ sung " <i>Điều 2. Quy định mức thu và chế độ thu, nộp phí</i> " vào mục 1 Phần IV dự thảo Tờ trình và thống nhất trong dự thảo Nghị quyết
V	Ý kiến của Sở Tài chính	
1	Căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung: Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung theo ý kiến góp ý
2	Chỉnh sửa danh mục thu phí và mức phí theo Công văn số 2782/STC-QLG ngày 20/10/2023 và Biên bản họp Thẩm định Đề án quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, họp ngày 20/10/2023.	Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa bổ sung Tờ trình, Nghị quyết theo ý kiến góp ý

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (thẩm định);
- Lãnh đạo sở;
- Phòng: TNN&KS; KHTH
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Đức Quang

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3478 /STNMT-QLMT

Cao Bằng, ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định tại điểm 1, 2 khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng gửi đến Sở Tư pháp hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm các văn bản sau:

1. Dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

4. Toàn bộ các văn bản của các đơn vị cho ý kiến (các file Văn bản gửi kèm theo trên Hệ thống thông tin điện tử iOffice 4.0).

5. Công văn thẩm định đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng của Sở Tài chính (lần 1, lần 2).

Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành đảm bảo đúng quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (thẩm định);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTH;
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Đức Quang

Số:1734/BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3478/STNMT-QLMT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

- Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Về sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐCP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trong đó quy định mức thu cụ thể đối với từng loại khoáng sản kim loại, khoáng sản không kim loại và khoáng sản tận thu áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Tuy nhiên, ngày 31/5/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2023, trong đó bãi bỏ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định: *“Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”*; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm *“Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này”*.

Căn cứ các quy định pháp luật, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nhằm thay thế Nghị quyết số 07/2017/NQHĐND là cần thiết, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Về phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Về đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

- Tại tên dự thảo Nghị quyết và Điều 1 dự thảo cần bỏ cụm từ “áp dụng” trước cụm từ “trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” vì tên dự thảo Nghị quyết đã quy định đầy đủ, cụ thể.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP “*Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*”, thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường. Do đó, đề nghị dự thảo cần xem xét chỉnh sửa như sau:

+ Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị chỉnh sửa thành:

“1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”

+ Đề nghị bỏ nội dung tại các các tiết 3.1.1, 3.1.2 điểm 3.1 khoản 3 và khoản 4 Điều 1 của dự thảo để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. Đồng thời chỉnh sửa tên, kết cấu của khoản cho phù hợp.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, tại căn cứ pháp lý thứ 8 dự thảo cần bổ sung cụm từ “*Căn cứ*” trước tên văn bản được viện dẫn làm căn cứ ban hành nghị quyết. Sau căn cứ thứ 9, cần thay dấu chấm (.) bằng dấu chấm phẩy (;).

5. Vấn đề khác

Đối với dự thảo Tờ trình

- Tại khoản 2 Mục I, để phù hợp với thẩm quyền ban hành nghị quyết, cơ quan soạn thảo cần bỏ nội dung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tại Mục IV (trang 8) cơ quan soạn thảo cần chỉnh sửa “Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết” thành “Tờ trình dự thảo Nghị quyết” cho chính xác.

- Bổ sung việc tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, để làm cơ sở xây dựng mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường tại dự thảo Nghị quyết này.

III. KẾT LUẬN

1. Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại mục II nêu trên.

2. Sau chỉnh sửa, dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các PGĐ Sở Tư pháp;
- Văn phòng Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.



Bàn Thanh Hiền

BÁO CÁO

**Về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự thảo
Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo số 1734/BCTĐ-STP ngày 26/10/2023 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1734/BCTĐ-STP ngày 26/10/2023, cụ thể:

TT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung giải trình, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định
I	Ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết	
1	Tại tên dự thảo Nghị quyết và Điều 1 dự thảo cần bỏ cụm từ “áp dụng” trước cụm từ “trên địa bàn tỉnh Cao Bằng” vì tên dự thảo Nghị quyết đã quy định đầy đủ, cụ thể.	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, đã bỏ từ áp dụng tại tên dự thảo Nghị quyết và Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.
2	Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị chỉnh sửa thành: <i>“1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</i> <i>2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân</i>	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, đã bổ sung, thay thế tại khoản 1, khoản 2 Điều 1.

	<i>khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.”</i>	
3	Đề nghị bỏ nội dung tại các tiết 3.1.1, 3.1.2 điểm 3.1 khoản 3 và khoản 4 Điều 1 của dự thảo để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. Đồng thời chỉnh sửa tên, kết cấu các khoản cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung như sau: - Bỏ các mục 3.1.1, 3.1.2 điểm 3.1 khoản 3 và khoản 4 Điều 1. - Chỉnh sửa tên thành: 3. Mức thu:
4	Tại căn cứ pháp lý thứ 8 dự thảo cần bổ sung cụm từ “Căn cứ” trước tên văn bản được viện dẫn làm căn cứ ban hành nghị quyết. Sau căn cứ thứ 9, cần thay dấu chấm (.) bằng dấu chấm phẩy (;)	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, đã chỉnh sửa, bổ sung.
II	Ý kiến dự thảo Tờ trình	
1	Tại khoản 2 Mục I, để phù hợp với thẩm quyền ban hành nghị quyết, cơ quan soạn thảo cần bỏ nội dung quy định trách nhiệm của UBND tỉnh.	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, đã bỏ trong dự thảo Tờ trình
2	Tại Mục IV (trang 8) cơ quan soạn thảo cần chỉnh sửa “Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết” thành “Tờ trình dự thảo Nghị quyết” cho chính xác	Cơ quan soạn thảo xin được tiếp thu, đã bỏ trong dự thảo Tờ trình.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng: TNN&KS; KHTH;
- Lưu: VT, QLMT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc Lưu

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3562 /STNMT-QLMT

Cao Bằng, ngày 27 tháng 10 năm 2023

V/v gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII. Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Hồ sơ gồm các văn bản sau: (1). Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2). Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (3). Ý kiến thẩm định về Đề án Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng của Sở Tài chính (lần 1, lần 2); (4). Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; các file ý kiến của cơ quan, đơn vị; (5). Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (6). Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình đối với văn bản thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Lưu: VT, QLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc Lưu